

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số 592/2018/TLST- VHNGĐ ngày 23 tháng 9 năm 2018 giữa:

Người yêu cầu

1/ Bà **Huỳnh Thị Tố T**, sinh năm: 1972.

Địa chỉ: 134/2, đường L, phường S, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

2/ Ông **Huỳnh Trung S** sinh năm: 1973.

Địa chỉ: 14, đường R, phường M, thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213, Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 55; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Khoản 2 Điều 149 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 3 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội khóa 14 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2018 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ việc hôn nhân và gia đình thụ lý số: 592/2018/TLST- HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2018;

XÉT THẤY:

Việc thuận tình và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 29 tháng 8 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. **Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa:** Bà Huỳnh Thị Tố T và ông Huỳnh Trung S.

2. **Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

Con chung: - Giao cho chị Huỳnh Thị Tố T trực tiếp nuôi cháu Huỳnh Thị Bảo T, sinh ngày 08/7/2008.

Ông S có quyền đến trông nom, chăm sóc và giáo dục con chung không ai được ngăn chặn.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

3. Về án phí HNGĐ:

Bà Huỳnh Thị Tố T, ông Huỳnh Trung S mỗi người phải chịu 150.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông Huỳnh Trung S, bà Huỳnh Thị Tố T mỗi người đã nộp tạm ứng án phí 150.000 đồng theo biên lai số 0013048; 0013049 ngày 23/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố M, tỉnh Tiền Giang.

4. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND TP M;
- Chi cục Thi hành án DS TP M;
- Các đương sự;
- UBND phường 6, TPM-
Tiền Giang - Kết hôn năm 2009;
- Lưu hồ sơ.

THẨM PHÁN

(Đã ký)

Võ Thị Ngọc Hoa